TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày 24/10/2019
"V/v *Tranh chấp về chia thừa kế di sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Bình.
Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Minh.
2. Ông Thái Đình Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2019/TLST-DS ngày 15/7/2019 về việc "Tranh chấp về chia thừa kế di sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số: 02/2019/TB-TA ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm: 1956; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Ngô Đình P, sinh năm: 1952; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị T, sinh năm: 1951; Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2019 và bản tự khai ngày 15/7/2019, bà Ngô Thị L trình bày: Cha và mẹ bà L là ông Ngô Đình H và bà Võ Thị N sinh được 03 người con chung là Ngô Thị T, Ngô Đình P và Ngô Thị L, khi cha và mẹ bà L chết không để lại di chúc thừa kế di sản. Di sản của cha và mẹ bà để lại lô đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R224267, thửa đất số 576, tờ bản đồ số 21, diện tích 1524m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở và 1124m^2 đất vườn) được Ủy ban nhân dân huyện A (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/8/2000, vị trí đất tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; đất có tứ cận; Phía đông: Giáp đất ông Đoàn Văn H;

Phía tây: Giáp đất nhà ông Ngô Đình P; Phía nam: Giáp đường bê tông; Phía bắc: Giáp đất ông Ngô Đình P. Bà L yêu cầu Tòa án chia 1/3 diện tích đất trên là di sản của cha và mẹ bà Liên để lại.

Tại bản tự khai ngày 31/7/2019 ông Ngô Đình P trình bày: Cha và mẹ của ông P là ông Ngô Đình H và bà Võ Thị N sinh được 05 người con nhưng chết từ nhỏ 02 người và hiện tại còn 03 người con chung là Ngô Thị T, Ngô Đình P và Ngô Thị L. Đối với phận làm con ông có trách nhiệm phụng dưỡng lo lắng cho cha mẹ tuổi già đến khi qua đời. Nay bà L yêu cầu chia 1/3 di sản chung của cha và mẹ để lại ông không đồng ý vì ông muốn để dành phần đất trên nhan khói cho cha và mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự bà Ngô Thị T trình bày: Cha và mẹ bà Thanh là ông Ngô Đình H và bà Võ Thị N hiện tại còn 03 người con chung là Ngô Thị T, Ngô Đình P và Ngô Thị L. Sau khi cha mẹ bà chết có để lại diện tích đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại ông P đang quản lý và sử dụng. Bà không yêu cầu chia di sản do cha và mẹ bà để lại, phần di sản bà được hưởng bà đồng ý để lại cho ông Ngô Đình P quản lý, sử dụng và toàn quyền định đoạt.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/8/2019 và biên bản hòa giải ngày 26/9/2019, giữa các bên không thống nhất được với nhau về việc chia thừa kế di sản, nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định về tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 468, Điều 623, Điều 649, Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Điều 147, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 để giải quyết vụ án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L.

Chia thừa kế di sản của bà Võ Thị N và ông Ngô Đình H chết để lại gồm: Thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R224267, thửa đất số 576, tờ bản đồ số 21, diện tích 1524m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở và 1124m^2 đất vườn) được Ủy ban nhân dân huyện A (cũ) cấp giấy chứng nhận ngày 07/8/2000 cho hộ ông Ngô Đình H, vị trí đất tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, cho hàng thừa kế thứ nhất, những người được hưởng cụ thể như sau:

Bà Ngô Thị L được chia phần đất có tổng diện tích là 591m^2 (trong đó 126m^2 đất ở và 465m^2 đất vườn. Tổng giá trị tài sản là 40.800.000 đồng (bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Ông Ngô Đình P được chia phần đất có tổng diện tích là 933m^2 (trong đó 274m^2 đất ở và 659m^2 đất vườn). Tổng giá trị tài sản là 81.680.000 đồng (tám mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Bà Ngô Thị L có nghĩa vụ bồi hoàn lại giá trị tài sản trên đất cho ông Ngô Đình P với số tiền là 16.344.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Ông Ngô Đình P có nghĩa vụ giao lại phần đất được chia cho bà Ngô Thị L và tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 cây bơ; 03 cây dừa; 02 cây mít; 12 cây huỳnh đàn; 27 trụ thanh long; tháo dỡ 01 ngôi nhà cũ có diện tích 32m^2 xây dựng từ năm 1976 không có giá trị sử dụng.

Các đương sự phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Ngô Thị L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết chia thừa kế di sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Xét về quan hệ thừa kế và thời hiệu khởi kiện: Bà Võ Thị N chết ngày 12/9/1993 và ông Ngô Đình H chết ngày 10/6/2009, đã khai tử với chính quyền địa phương. Khi chết bà N và ông H không để lại di chúc thừa kế nên việc chia di sản thừa kế thực hiện theo pháp luật, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 của Bộ luật dân sự. Tài sản của bà N và ông H để lại là lô đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R224267, thửa đất số 576, tờ bản đồ số 21, diện tích 1524m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở và 1124m^2 đất vườn) được Ủy ban nhân dân huyện A (cũ) cấp giấy chứng nhận ngày 07/8/2000, vị trí đất tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, đây là tài sản bất động sản nên thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm. Do đó, ngày 11/7/2019 bà Ngô Thị L có đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cha và mẹ bà để lại là còn trong thời hiệu khởi kiện và phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 623 của Bộ luật dân sự.

[3] Xét về người thừa kế theo pháp luật: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật dân sự, hàng thừa kế thứ nhất gồm: Vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết. Theo lời khai của đương sự mối quan hệ hàng thừa kế thứ nhất của người để lại di sản là bà N và ông H thì cha và mẹ của bà N và ông H chết đã lâu, hàng thừa kế thứ nhất còn lại là các con đẻ gồm có bà Ngô Thị T, ông Ngô Đình P và bà Ngô Thị L, ngoài ra bà N và ông H không có cha và mẹ nuôi, không có con nuôi. Tại biên bản xác minh ngày 31/7/2019 chính quyền địa phương đã cung cấp thông tin bà N và ông H hiện tại có 03 người con là Ngô Thị T, Ngô Đình P và Ngô Thị L. Từ lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận sau khi bà N và ông H chết người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất là những người con đẻ hiện tại còn sống của bà N và ông H gồm bà Ngô Thị T, ông Ngô Đình P và bà Ngô Thị L.

[4] Xét về nội dung vụ án: Sau khi tranh luận tại phiên tòa cùng với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Bà Võ Thị N và ông Ngô Đình H là vợ chồng, khi chết bà N và ông H không có di chúc và để lại di sản là lô đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R224267, thửa đất số 576, tờ bản đồ số

21, diện tích 1524m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở và 1124m^2 đất vườn) được Ủy ban nhân dân huyện A (cũ) cấp giấy chứng nhận ngày 07/8/2000, vị trí đất tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, nên các con bà N và ông H yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày ngày 04/9/2019, Tòa án đã tiến hành đo đạt diện tích đất đúng như giấy chứng nhận được cấp cho hộ ông Ngô Đình H số R224267, thửa đất số 576, tờ bản đồ số 21, diện tích 1524m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở và 1124m^2 đất vườn) được Ủy ban nhân dân huyện A (cũ) cấp giấy chứng nhận ngày 07/8/2000, vị trí đất tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Tại biên bản xác minh ngày 12/9/2019 tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai chi nhánh Đak Pơ cung cấp thông tin hiện tại thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R224267, thửa đất số 576, tờ bản đồ số 21, diện tích 1524m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở và 1124m^2 đất vườn) được Ủy ban nhân dân huyện A cũ cấp giấy chứng nhận ngày 07/8/2000 cho hộ ông Ngô Đình H đến thời điểm hiện tại vẫn chưa đăng ký giao dịch nào tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai chi nhánh Đ (gồm chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, tặng cho, thế chấp và góp vốn). Do đó, không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Đối với di sản bà Võ Thị N và ông Ngô Đình H để lại được chia theo quy định tại Điều 650 và Điều 651 của Bộ luật dân sự cho hàng thừa kế thứ nhất gồm các con đẻ của bà N và ông H gồm bà Ngô Thị T, ông Ngô Đình P và bà Ngô Thị L. Do đó việc bà L yêu cầu Tòa án được chia 1/3 di sản của cha và mẹ bà để lại là hoàn toàn đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc bà T không nhận di sản thừa kế do cha và mẹ bà để lại, phần bà được hưởng bà cho lại ông P toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt để ông P thờ cúng cha và mẹ. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T cho ông P phần di sản thừa kế của mình để giao phần di sản thừa kế mà bà T được hưởng cho ông P và ông P phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của người được hưởng phần sản thừa kế.

Thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R224267, thửa đất số 576, tờ bản đồ số 21, diện tích 1524m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở và 1124m^2 đất vườn) được Ủy ban nhân dân huyện A (cũ) cấp giấy chứng nhận ngày 07/8/2000 cho hộ ông Ngô Đình H, vị trí đất tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, được chia đều cho những người hưởng thừa kế hàng thứ nhất theo pháp luật. Để bảo vệ tài sản trên đất, không ảnh hưởng quyền lợi của các bên đương sự và đảm bảo điều kiện thuận lợi cho việc tách thửa, Hội đồng xét xử chia đất trên thành 03 phần thừa kế ông P được hưởng 02 phần và bà L hưởng 01 phần. Mặc dù diện đất được chia thành 03 phần không bằng nhau nhưng tương đương về giá trị đối với mỗi phần di sản mà các bên được hưởng. Việc tính giá trị tài sản căn cứ vào biên bản định giá ngày 04/9/2019.

Phần đất bà Ngô Thị L được chia cụ thể như sau: Tổng diện tích 591m^2 (trong đó 126m^2 đất ở và 465m^2 đất vườn), đất có tứ cận:

Phía đông: Giáp đất ông Đoàn Văn H; Phía tây: Giáp phần đất chia cho ông Ngô Đình P (điểm nối phía nam rộng 05m, tính từ ranh giới đất ông H và phía bắc rộng 05m tính từ ranh giới đất ông H. Nối lại là đường thẳng có chiều dài 80,9m);

Phía nam: Giáp đường bê tông rộng 05m tính từ ranh giới đất ông H; Phía bắc: Giáp đất ông Ngô Đình P rộng 05m tính từ ranh giới đất ông H.

Giá trị tài sản mà bà L được hưởng là: 126m^2 đất ở x 250.000đồng/m^2 = 31.500.000đồng; 465m^2 đất vườn x 20.000đồng/m^2 = 9.300.000 đồng. Tổng cộng là 40.800.000 đồng (bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Phần đất ông Ngô Đình P được chia cụ thể như sau: Tổng diện tích 933m^2 (trong đó 274m^2 đất ở và 659m^2 đất vườn), đất có tứ cận:

Phía đông: Giáp phần đất chia cho bà Ngô Thị L (ranh giới giữa hai thửa đất được chia là đường thẳng có chiều dài 80,9m); Phía tây: Giáp phần đất ông Ngô Đình P; Phía nam: Giáp đường bê tông rộng 11m; Phía bắc: Giáp đất ông Ngô Đình P rộng 11m.

Giá trị tài sản mà ông P được hưởng là: 274m^2 đất ở x 25.000đồng/m^2 = 68.500.000đồng; 659m^2 đất vườn x 20.000đồng/m^2 = 13.180.000 đồng. Tổng cộng là 81.680.000 đồng (tám mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Đối với tài sản trên phần đất mà bà Ngô Thị L được chia gồm có các tài sản như sau: 01 cây bơ; 03 cây dừa; 02 cây mít; 12 cây huỳnh đàn; 27 trụ thanh long và 01 ngôi nhà cũ có diện tích 32m2 xây dựng từ năm 1976. Những tài sản này gắn liền với đất là tài sản do ông Ngô Đình P quản lý và sử dụng, bà L không có yêu cầu chia tài sản trên đất. Ông P yêu cầu bà L phải bồi hoàn lại giá trị tài sản và được bà L đồng ý bồi hoàn lại toàn bộ giá trị tài sản. Việc tính giá trị tài sản căn cứ vào biên bản định giá ngày 04/9/2019 cụ thể như sau:

01 cây bơ = 500.000 đồng; 03 cây dừa x 1.004.000 đồng/cây = 3.012.000 đồng; 02 cây mít x 245.000 đồng/cây = 490.000 đồng; 12 cây huỳnh đàn x 385.000đồng/cây = 4.620.000 đồng; 27 trụ thanh long x 286.000 đồng/trụ = 7.722.000 đồng và 01 ngôi nhà cũ có diện tích 32m^2 xây dựng từ năm 1976 không có giá trị sử dụng. Tổng giá trị tài sản là 16.344.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Ông Ngô Đình P có nghĩa vụ giao lại phần đất được chia cho bà Ngô Thị L và tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 cây bơ; 03 cây dừa; 02 cây mít; 12 cây huỳnh đàn; 27 trụ thanh long và tháo dỡ 01 ngôi nhà cũ có diện tích 32m^2 xây dựng từ năm 1976 không có giá trị do ông P quản lý sử dụng.

Bà Ngô Thị L có nghĩa vụ bồi hoàn lại giá trị tài sản trên đất cho ông Ngô Đình P tương đương với số tiền là 16.344.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng số tiền chi phí là 3.000.000 đồng bà L đã nộp xong. Trong đó bà L chịu 1.000.000 đồng, ông P chịu 2.000.000 đồng. Ông P có nghĩa vụ bồi hoàn lại số tiền trên cho bà L là 2.000.000 đồng.

3. Về án phí: Bà Ngô Thị L và ông Ngô Đình P mỗi người phải chịu án phí dân sơ thẩm trên phần giá trị tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 147, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L.

[2] Chia thừa kế di sản của bà Võ Thị N và ông Ngô Đình H chết để lại gồm: Thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R224267, thửa đất số 576, tờ bản đồ số 21, diện tích 1524m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở và 1124m^2 đất vườn) được Ủy ban nhân dân huyện A (cũ) cấp giấy chứng nhận ngày 07/8/2000 cho hộ ông Ngô Đình H, vị trí đất tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, cho hàng thừa kế thứ nhất, những người được hưởng cụ thể như sau:

Bà Ngô Thị L được chia phần đất có tổng diện tích là 591m^2 (trong đó 126m^2 đất ở và 465m^2 đất vườn), đất có tứ cận:

Phía đông: Giáp đất ông Đoàn Văn H;

Phía tây: Giáp phần đất chia cho ông Ngô Đình P (điểm nối phía nam rộng 05m, tính từ ranh giới đất ông H và phía bắc rộng 05m tính từ ranh giới đất ông H. Nối lại là đường thẳng có chiều dài 80,9m);

Phía nam: Giáp đường bê tông rộng 05m tính từ ranh giới đất ông H;

Phía bắc: Giáp đất ông Ngô Đình P rộng 05m tính từ ranh giới đất ông H.

Giá trị tài sản mà bà L được hưởng là: 126m^2 đất ở x 250.000đồng/m^2 = 31.500.000đồng; 465m^2 đất vườn x 20.000đồng/m^2 = 9.300.000 đồng. Tổng cộng là 40.800.000 đồng (bốn mươi triệu tám trăm nghìn đồng).

Ông Ngô Đình P được chia phần đất có tổng diện tích là 933m^2 (trong đó 274m^2 đất ở và 659m^2 đất vườn), đất có tứ cận:

Phía đông: Giáp phần đất chia cho bà Ngô Thị L (ranh giới giữa hai thửa đất được chia là đường thẳng có chiều dài 80,9m);

Phía tây: Giáp phần đất ông Ngô Đình P;

Phía nam: Giáp đường bê tông rộng 11m;

Phía bắc: Giáp đất ông Ngô Đình P rộng 11m.

Giá trị tài sản mà ông P được hưởng là: 274m^2 đất ở x 25.000đồng/m^2 = 68.500.000đồng; 659m^2 đất vườn x 20.000đồng/m^2 = 13.180.000 đồng.Tổng cộng là 81.680.000 đồng (tám mươi mốt triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Bà Ngô Thị L và ông Ngô Đình P liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia như trên theo quy định của pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về trách nhiệm bồi thường, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Ngô Thị L có nghĩa vụ bồi hoàn lại giá trị tài sản trên đất cho ông Ngô Đình P với số tiền là 16.344.000 đồng (mười sáu triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Ông Ngô Đình P có nghĩa vụ giao lại phần đất được chia cho bà Ngô Thị L và tài sản gắn liền trên đất gồm: 01 cây bơ; 03 cây dừa; 02 cây mít; 12 cây huỳnh đàn; 27 trụ thanh long và tháo dỡ 01 ngôi nhà cũ có diện tích 32m^2 xây dựng từ năm 1976 không có giá trị do ông P quản lý sử dụng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà Ngô Thị L chịu 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và ông P chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Bà L đã nộp đủ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) nên Ông P có nghĩa vụ bồi hoàn lại số tiền trên cho bà L là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận giữa các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Nếu không có sự thỏa thuận thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, tại thời điểm thanh toán.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị L phải chịu 2.040.000 đồng (hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 1.650.000 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004437 ngày 11/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Bà Ngô Thị L còn phải nộp số tiền án phí là 390.000 đồng (ba trăm chín mươi nghìn đồng)

Ông Ngô Đình P phải chịu 4.084.000 đồng (Bốn triệu không trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Ông P chưa nộp án phí.

[5] Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 24/10/2019, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Ngọc Bình